CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Nước Thủ Dầu Một

Ngày 28/06/2024	49,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**4.5%**	**24.7%**

DT thuần
Q2/24
187
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 81.0| 76.6%
YoY: ▲ 54.0| 40.8%

LN thuần
Q2/24
49.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.40| 17.7%
YoY: ▼12.2| -19.9%

LN sau thuế
Q2/24
44.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.90| 18.4%
YoY: ▼10.8| -19.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
27.4%
YoY: +/-▼ 15.7%

ROE (TTM)
Q2/24
8.1%
YoY: +/-▼ 0.7%

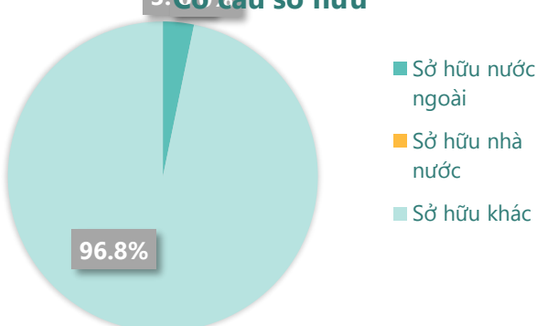
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,408 - 51,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,390
Số lượng CPLH (CP)	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,670
Sở hữu nước ngoài	3.2%
Beta	0.33
EPS	1,655
P/E	29.6

DT thuần
6T 2024
293
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 59.0| 25.4%

LN thuần
6T 2024
91.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼102| -52.9%

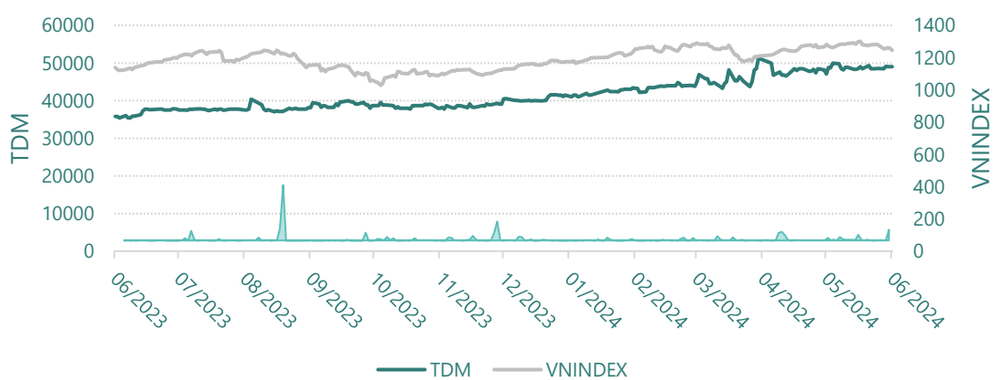
LN sau thuế
6T 2024
81.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼101| -55.3%

Cơ cấu sở hữu

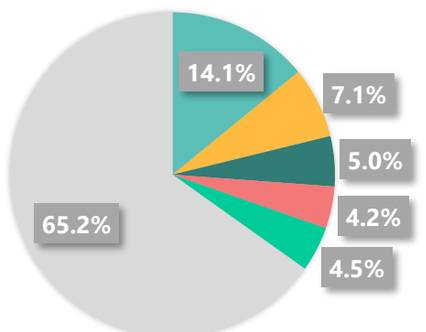


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

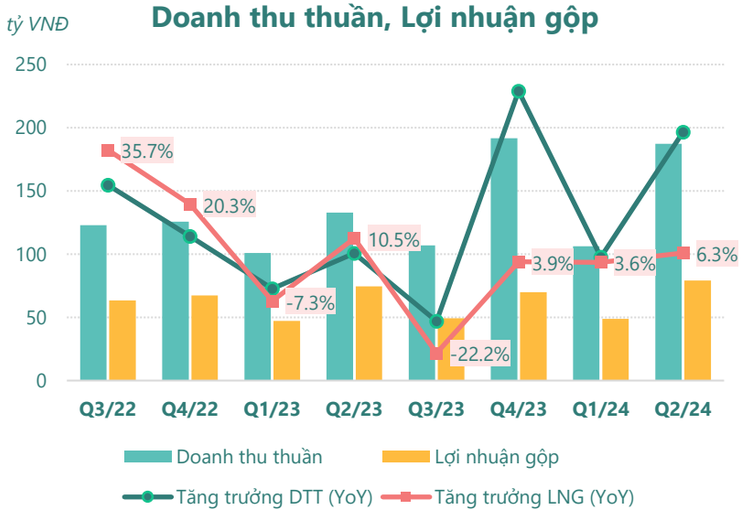


- CTCP Chứng Khoán Vietcap
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quỳnh Phúc
- Phạm Văn Chiến
- Công ty TNHH Thương mại N.T.P
- CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Phía Nam
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

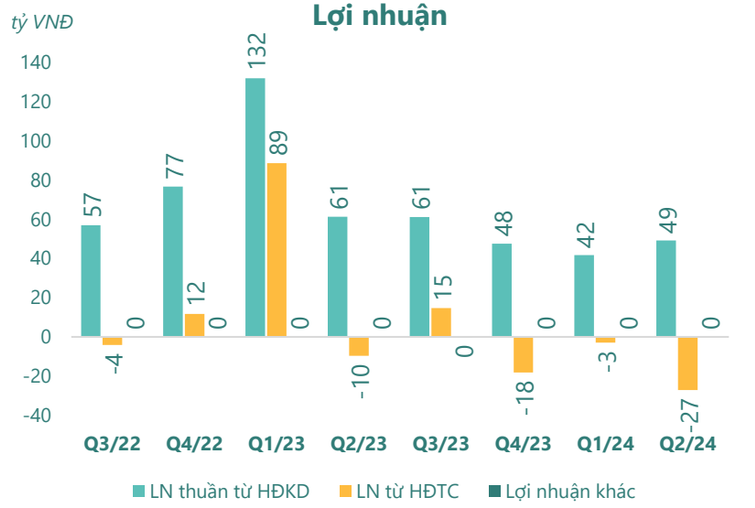
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



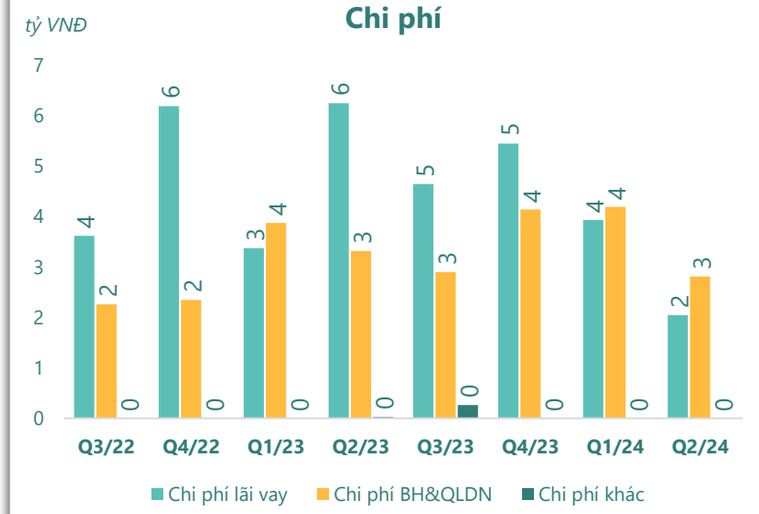
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



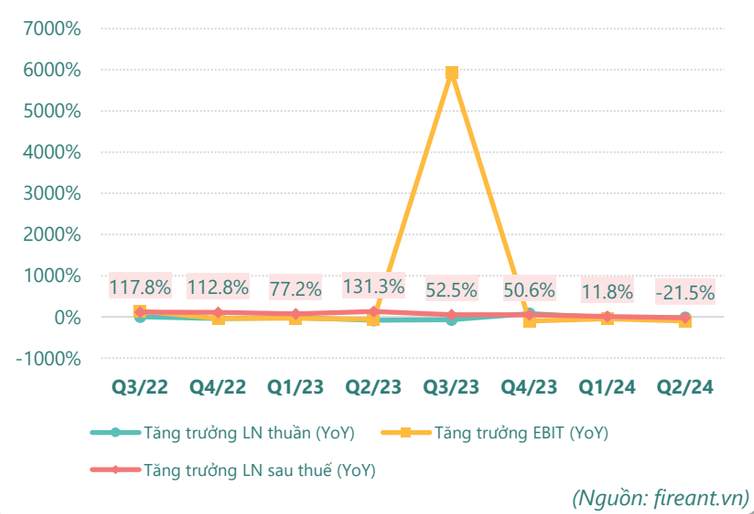
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



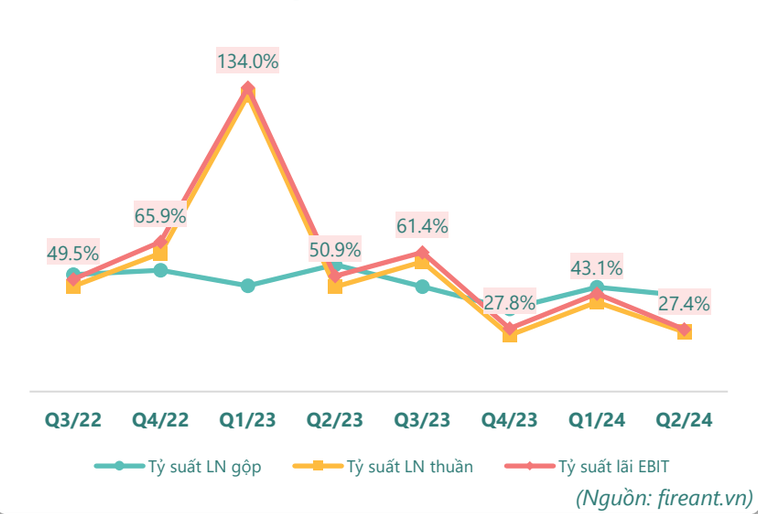
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



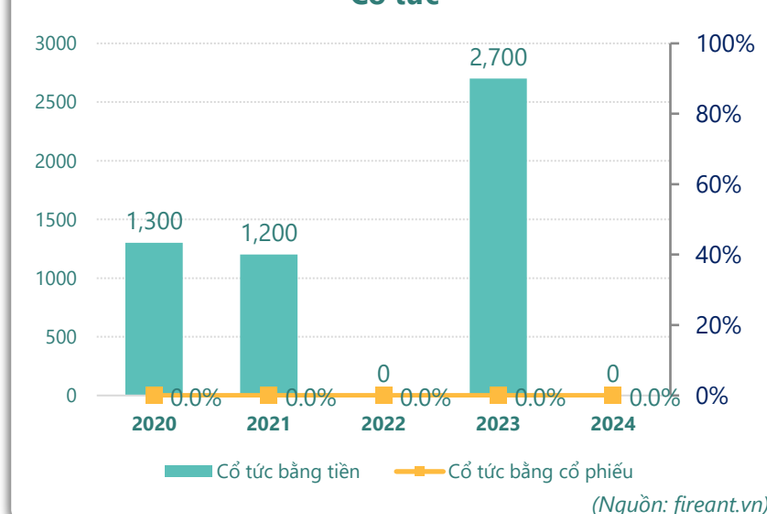
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

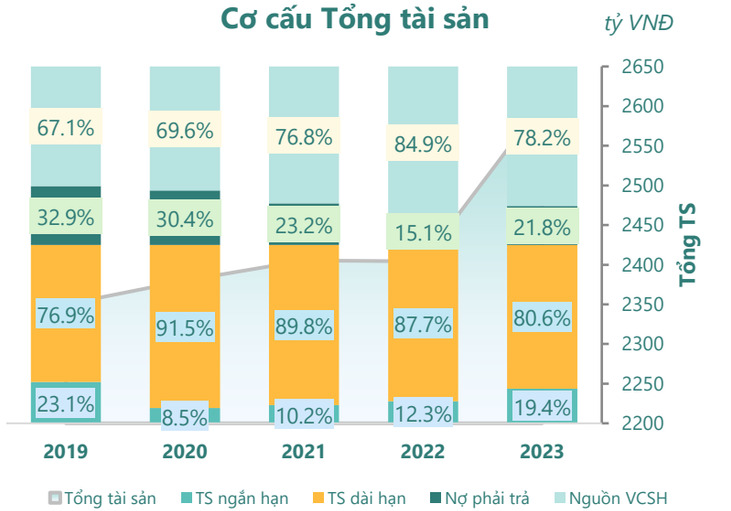
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

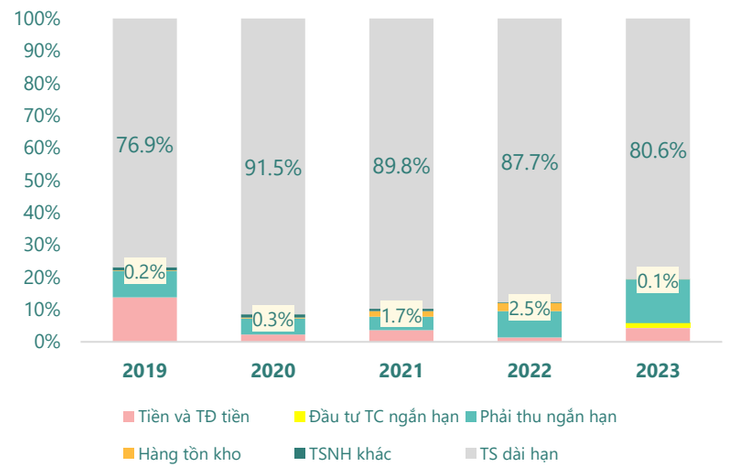
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



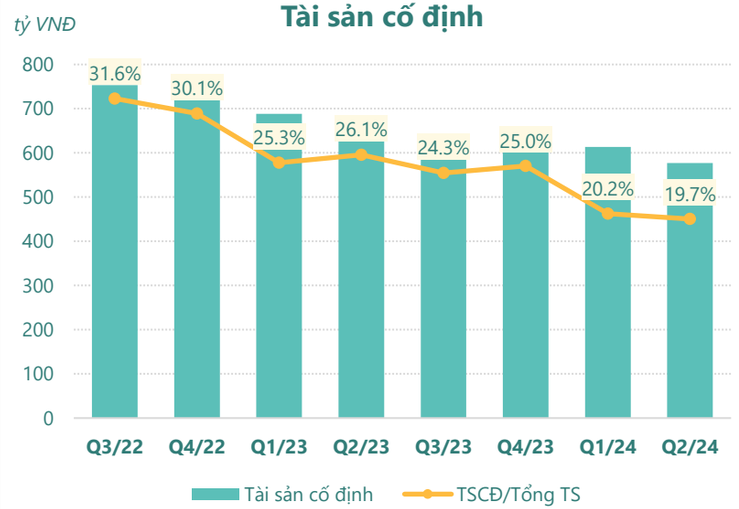
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



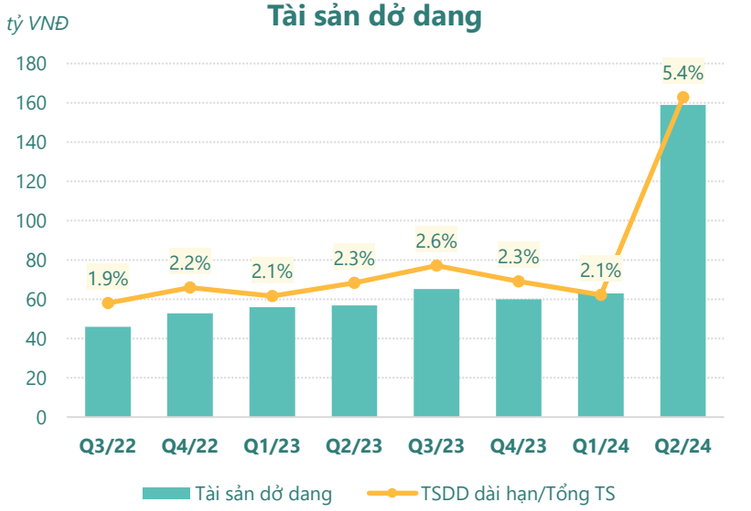
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



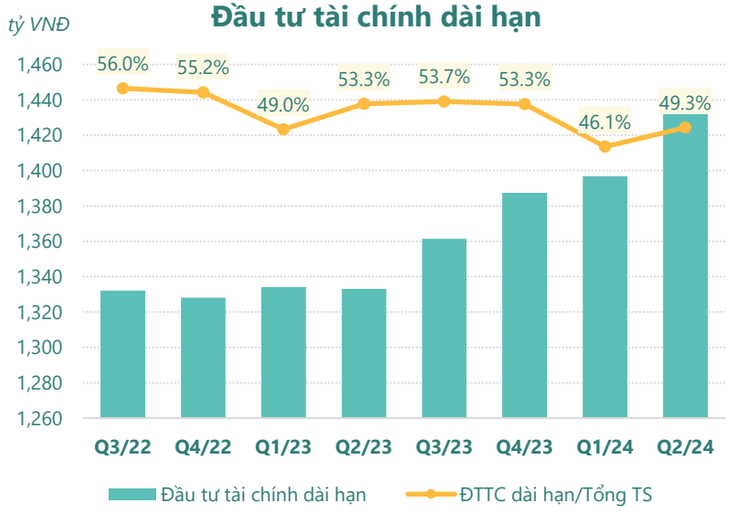
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



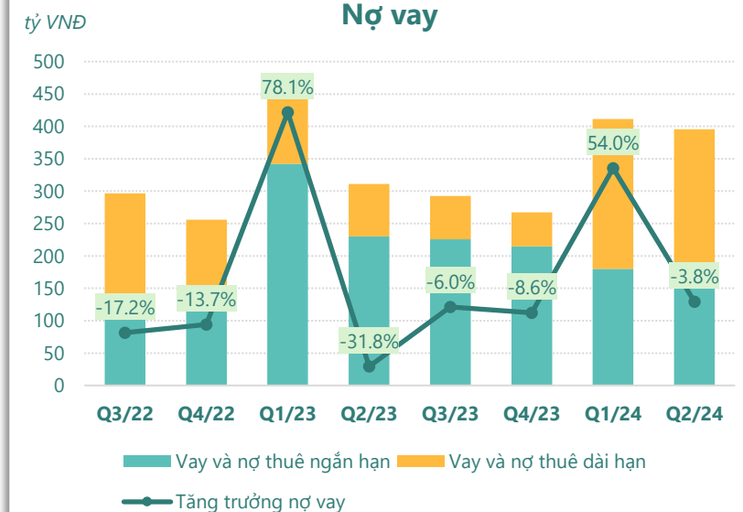
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

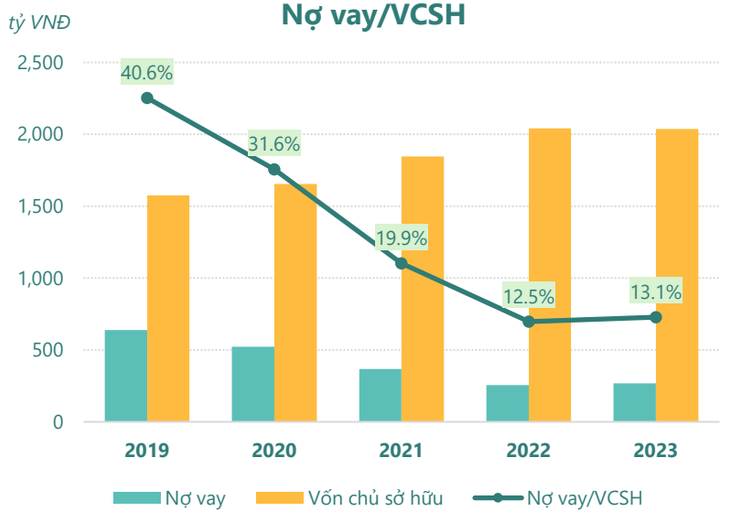
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

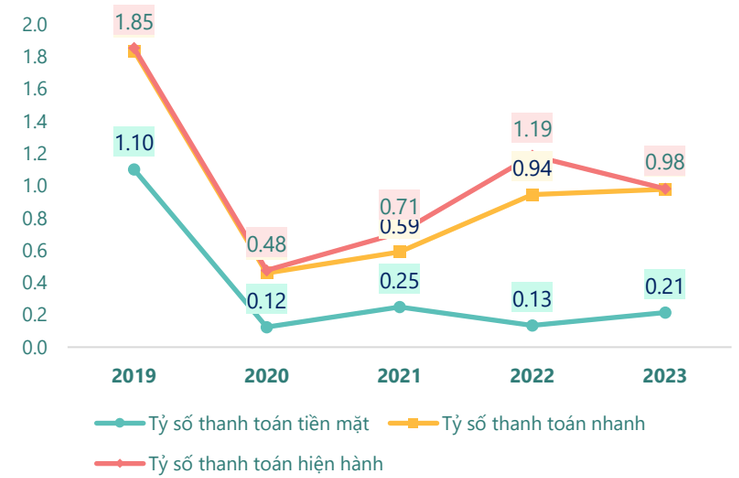
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



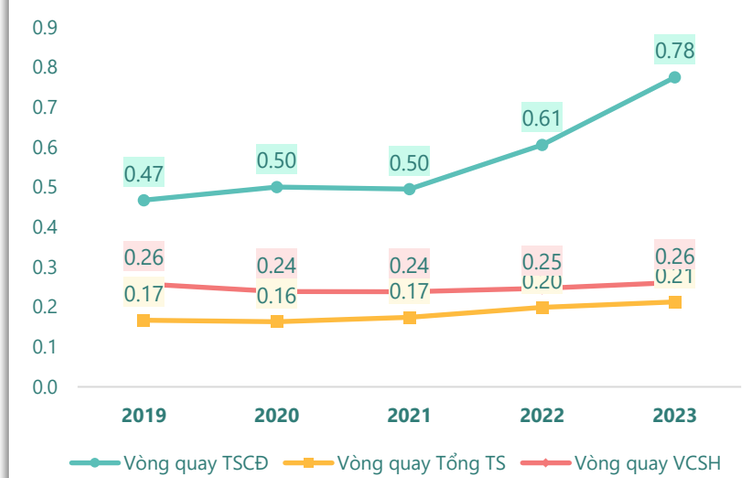
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



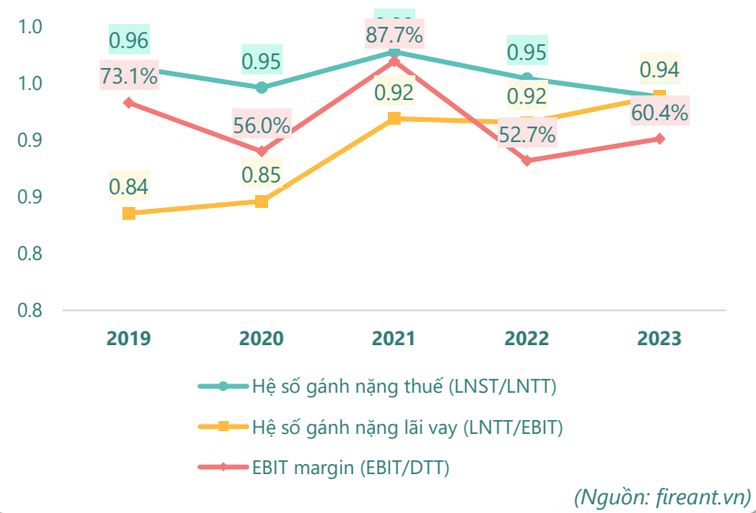
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



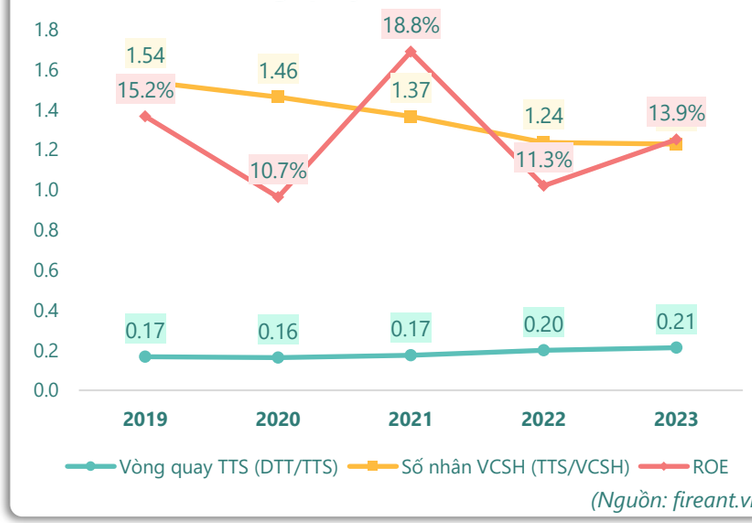
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



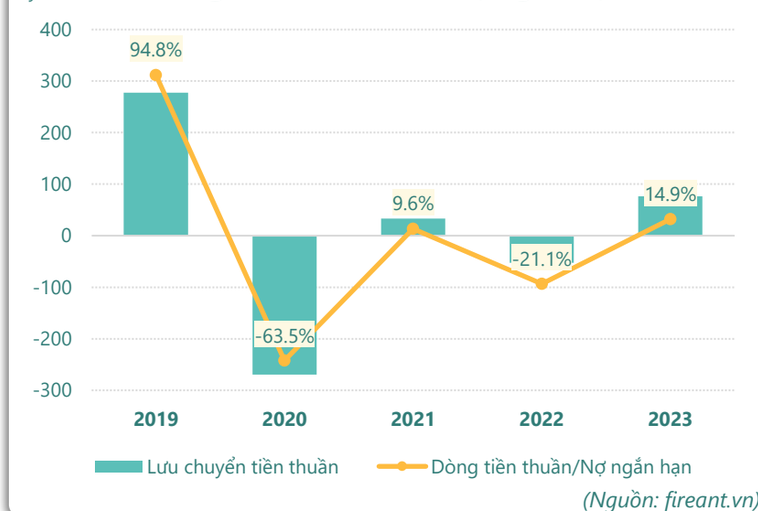
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**187**	**133**	**40.8%**	**293**	**234**	**25.4%**
Giá vốn hàng bán	108	58.5	84.8%	165	112	47.2%
Lợi nhuận gộp	79.1	74.4	6.3%	128	122	5.3%
Doanh thu HĐTC	2.10	2.18	-3.8%	4.08	96.3	-95.8%
Chi phí TC	29.2	11.9	145%	34.0	17.4	95.4%
Chi phí lãi vay	2.05	6.25	-67.2%	5.98	9.63	-37.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.81**	**3.32**	**-15.2%**	**7.01**	**7.19**	**-2.5%**
LN thuần từ HĐKD	49.2	61.4	-19.9%	91.0	193	-52.9%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**0.06**	**11.8%**	**0.13**	**0.14**	**-6.3%**
LN trước thuế	49.3	61.4	-19.8%	91.1	193	-52.9%
Lợi nhuận sau thuế	**44.4**	**55.2**	**-19.6%**	**81.9**	**183**	**-55.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**44.4**	**55.2**	**-19.6%**	**81.9**	**183**	**-55.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	76.2	50.9	43.0	171	-38.8	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.6	43.0	-36.1	-111	-3.25	-99.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	200	-275	-18.7	-25.2	444	-164
Tiền đầu kỳ	33.5	268	87.0	75.2	110	512
Lưu chuyển tiền thuần	**235**	**-181**	**-11.8**	**34.8**	**402**	**-156**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	268	87.0	75.2	110	512	355

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,928**	**2,603**	**12.5%**
Tài sản ngắn hạn	749	505	48.1%
Tiền và tương đương tiền	355	110	223%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	40.0	-75.0%
Phải thu ngắn hạn	336	351	-4.3%
Hàng tồn kho	44.1	2.06	2043%
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	2.10	46.6%
Tài sản dài hạn	**2,180**	**2,098**	**3.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	577	650	-11.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	159	60.0	165%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,443	1,387	4.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.81**	**1.01**	**-19.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	533	567	-6.0%
Nợ ngắn hạn	**314**	**515**	**-39.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	215	-17.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	52.4	-63.3%
Nợ dài hạn	219	52.3	318%
Vay và nợ thuê dài hạn	219	52.3	318%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,396**	**2,037**	**17.6%**
Vốn chủ sở hữu	**2,396**	**2,037**	**17.6%**
Vốn điều lệ	1,100	1,000	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)